

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TỬC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HỮU MUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 09 15 1944
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 15 Kham 4 Phuong 7 Thi xa BENTRE
(Dia chi tai Viet-Nam)
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 1975 To (Den) : 1984
PLACE OF RE-EDUCATION : HOANG LIEN SON - VINH PHU - HAM TAN (Z-30D)
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Đại úy QL/VNCH
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Trưởng ban CTC
Chi Khin Binh Dai (Ban Te) Date (nam) : 1970-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 15 Kham 4 Phuong 7 Thi xa BENTRE
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) : _____
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____
NAME & SIGNATURE : _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai của nguoi dien don hay)
DATE : 11 02 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THỊ CẢNH	04-07-1945	vợ
NGUYỄN TRỊ DŨNG	11-01-1972	con
NGUYỄN DŨNG NHÂN	15-08-1973	con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Xin nhờ Bà giúp đỡ cho gia đình
tôi được sớm định cư tại Hoa Kỳ.
Chúng tôi thành thật biết ơn.

Chúng tôi có gửi đơn sang Thái Lan vào khoảng tháng 5-1984,
nhưng không nhận được giấy tờ gì cả).

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN HUU MUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 09 15 1944
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : X Female (Nu) : _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh) : Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : X

ADDRESS IN VIETNAM : 15 - Khóm 4 - Phường 7 Thị xã BẾN TRE
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 1975 To (Den) : 1984

PLACE OF RE-EDUCATION: HOANG LIEN SON - VINH PHU - HAM TAN (2.300)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VIET ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Đại úy QL/VN CH
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : _____ Date (nam) : _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : X No (Khong) : _____
IV Number (So ho so) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 15 Khóm 4 Phường 7 Thị xã - BẾN TRE

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) : _____

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : _____

NAME & SIGNATURE : _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai của nguoi dien don hay) : _____

DATE : 11 02 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THI CANH	04-07-1945	10
NGUYEN TRI DUNG	11-01-1972	con
NGUYEN DUNG NHAN	15-08-1973	con

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Kính nhờ Bà giúp đỡ cho gia đình
tôi được sớm định cư tại Hoa Kỳ
Chúng tôi thành thật biết ơn.

(chúng tôi có gửi đơn sang Thái Lan vào tháng 05 - 1984
nhưng không nhận được giấy tờ gì cả)

BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 447 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hành án văn, quyết định tha số 263 ngày 20 tháng 4 năm 1984 của Bộ Nội Vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN HỮU MỸ NG Sinh năm 1944

Các n gọi khác

Nơi sinh Bến Tre.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 15 Ấp 4, Xã Mỹ Hòa, Bến Tre.

Can tội Đại úy trưởng ban chiến tranh chiến tranh CT.

Bị bắt ngày 5-5-75 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 15 Ấp 4, Xã Mỹ Hòa, Bến Tre.

Nhận xét quá trình cải tạo

Đủ có nhiều tiến bộ chấp hành nội quy nghiêm, Lao động và học tập tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng.

- Tiền di dưỡng đã cấp đủ.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi về cư trú.

Trước ngày 22 tháng 5 năm 1984

Lưu tay ngậy trái phải
của Nguyễn Hữu Mỹ Ng.

Danh bìa số

Lưu tay



Chữ ký
người ra cấp giấy

Munh

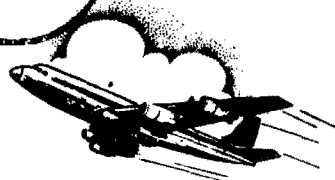
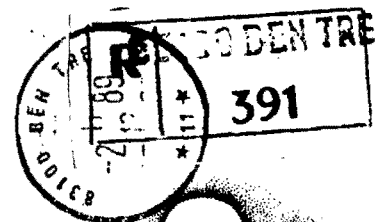
Ngày 15 tháng 5 năm 1984



Địa

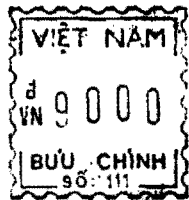
Chức vụ

From: NGUYỄN HỮU MỪNG
Khu 4 - Phường 7
THị xã BẾN TRE
VIỆT-NAM.



PAR AVION VIA AIR MAIL

PAR AVION



NOV 21 1989

TO:

Mrs. KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

VA. 22205-0635

U.S.A.